

BÁO CÁO

Đánh giá kết quả sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản 9 tháng đầu năm, giải pháp thực hiện nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2021

Căn cứ công văn số 1503/SKHĐT-TH ngày 08 tháng 9 năm 2021 của Sở Kế hoạch và Đầu tư về việc đề nghị báo cáo đánh giá tình hình kinh tế xã hội 9 tháng đầu năm 2021, Sở Nông nghiệp và PTNT tổng hợp báo cáo như sau:

I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CHUYÊN MÔN

1. Trồng trọt

- Diện tích trồng cây lương thực có hạt (*lúa ruộng, lúa nương và ngô*) 37.198/36.908 ha đạt 101% kế hoạch (KH). Dự ước sản lượng lương thực có hạt năm 2021 đạt 179.504/178.085 tấn, đạt 101% KH, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2020, lương thực bình quân đầu người ước đạt 562/550 kg/người/năm đạt 102% KH. Diện tích chuyển đổi cơ cấu cây trồng trên đất lúa 173/167 ha đạt 104% KH; duy trì diện tích đã chuyển đổi từ năm 2018 – 2020 1.725/1.852 đạt 93% KH.

- Diện tích trồng cây chất bột (*khoai lang, khoai môn, dong riềng, khoai tây*) 1.385/1.418 ha đạt 98% KH, bằng 99% so với cùng kỳ năm 2020, tổng sản lượng ước đạt 41.157/44.471 tấn đạt 93%KH, bằng 95% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó cây dong riềng 465/500 ha đạt 93% KH, sản lượng 34.689/37.775 tấn, đạt 92% KH, bằng 92% so với cùng kỳ năm 2020, diện tích thâm canh gắn với liên kết tiêu thụ đạt 330/350 ha đạt 94% KH.

- Cây rau, đậu các loại 3.962/3.597 ha đạt 110% KH, tổng sản lượng ước đạt 44.755/41.507 tấn, đạt 108% KH, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó diện tích trồng rau 3.242/2.925 ha đạt 111% KH, sản lượng 43.849/40.648 tấn đạt 108% KH, tăng 14% so với cùng kỳ năm 2020. Trong đó, diện tích trồng bí xanh thơm 137/70 ha đạt 195% KH, sản lượng 5.468/2.800 tấn, tăng 80% so với cùng kỳ năm 2020.

- Diện tích trồng cây công nghiệp (*đậu tương, lạc, thuốc lá, mía, gừng, nghệ, chè*) 4.458/4.441 ha đạt 100% KH, tổng sản lượng ước đạt 27.193/25.267 tấn đạt 108%KH, tăng 13% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó cây thuốc lá 808/822 ha đạt 98% KH, tăng 08% so với cùng kỳ năm 2020, sản lượng 1.941/1.811 tấn đạt 107% KH, tăng 27% so với cùng kỳ; cây gừng 283/230 ha đạt 123% KH, sản lượng 7.192/6.540 tấn đạt 110% KH; cây nghệ 168/145 ha đạt 116% KH, sản lượng 3.465/3.393 tấn đạt 102% KH, tăng 27% so với cùng kỳ năm 2020; diện tích chè được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP, chè hữu cơ 177/95 ha đạt 186% KH.

- Cây ăn quả¹ (*Cây cam, quýt, hồng không hạt, mơ, mận, chuối*): Diện tích hiện có 6.881 ha, diện tích cho thu hoạch 5.106/5.169 ha đạt 99% KH, tổng sản lượng ước đạt 52.321/48.184 tấn đạt 109% KH, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2020; trong đó cây cam, quýt hiện có 3.525 ha, diện tích cho thu hoạch 2.529/2.500 ha, đạt 101% KH, sản lượng 26.275/24.885 tấn đạt 106% kế hoạch, bằng 100% so với cùng kỳ năm 2020. Diện tích cam, quýt cải tạo, thâm canh 405/340 ha đạt 119% KH, diện tích được chứng nhận ATTP hoặc VietGAP 150/150 ha đạt 100% KH; trồng mới 109/191 ha đạt 57% KH. Ngoài ra sản lượng cây hồng không hạt 2.320/2.566 tấn đạt 90% KH, sản lượng cây mơ 2.453/2.535 tấn đạt 97% KH, cây mận 2.599/2.599 tấn đạt 100% KH....

- Diện tích đất ruộng, soi bãi đạt 100 triệu đồng trên ha trở lên 3.340/3.460 ha đạt 97% kế hoạch, bằng 95% so với cùng kỳ.

- Tình hình dịch hại đối với cây trồng: Vụ xuân năm 2021, các đối tượng sâu bệnh hại chủ yếu gồm: Ốc bươu vàng, bọ rầy, bệnh đạo ôn, bệnh đốm sọc vi khuẩn, sâu đục thân,... gây hại trên cây lúa, tổng diện tích nhiễm 416 ha; sâu keo mùa thu, bệnh đốm lá, bệnh khô vằn gây hại trên cây ngô, tổng diện tích nhiễm 55 ha; bệnh thán thư gây hại 15 ha cây hồng không hạt,... ngành đã chỉ đạo các địa phương thực hiện tốt công tác dự báo và tuyên truyền, hướng dẫn nông dân thực hiện biện pháp phòng, trừ sinh vật gây hại góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất. Một số đối tượng diện tích gây hại thấp hơn so với cùng kỳ năm trước như: Sâu keo mùa thu hại cây ngô; bệnh thán thư hại cây hồng không hạt,...

- Công tác quản lý giống và vật tư nông nghiệp: Công tác cung ứng giống vật tư nông nghiệp đã đáp ứng được yêu cầu sản xuất, phần lớn diện tích được trồng giống lúa, ngô theo cơ cấu chỉ đạo, được công nhận và được phép sản xuất kinh doanh theo quy định. Qua thống kê Vụ xuân có 34 giống lúa (257.562 kg), trong đó giống lúa trong cơ cấu chỉ đạo là 11 giống (188.127 kg); giống ngô có 21 giống với tổng khối lượng là 122.350 kg, trong đó các giống trong cơ cấu chỉ đạo là 08 giống (72.750 kg). Vụ mùa có 33 giống lúa (1498.480 kg), trong đó giống trong cơ cấu chỉ đạo là 08 giống (454.960 kg); giống ngô có 17 giống (76.100 kg), trong đó giống trong cơ cấu chỉ đạo là 07 giống (46.300 kg). Tổ chức thẩm định và cấp mới 20 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán phân bón và cấp mới 16, cấp lại 23 giấy chứng nhận đủ điều kiện buôn bán thuốc bảo vệ thực vật.

2. Chăn nuôi

2.1. Phát triển chăn nuôi

Trong 9 tháng đầu năm công tác phát triển chăn nuôi gặp nhiều khó khăn, dẫn đến việc tái đàn, khôi phục sản xuất không đạt kế hoạch đề ra. Tuy nhiên, phương thức chăn nuôi đã được cơ cấu lại theo hướng chuyển từ chăn nuôi nhỏ lẻ, phân tán sang phát triển chăn nuôi quy mô lớn, chăn nuôi nông hộ nhưng áp dụng khoa học công nghệ đã góp phần đưa tăng trưởng lĩnh vực chăn nuôi tăng

¹ Diện tích cây chè và cây ăn quả sử dụng số liệu trao đổi và ước với Cục Thống kê tỉnh. Số liệu cao hơn so với các địa phương đã báo cáo.

so với cùng kỳ năm 2020, ổn định thị trường tiêu thụ và giá bán sản phẩm trên địa bàn tỉnh.

Tổng đàn hiện có: Đại gia súc (*trâu, bò, ngựa*) 62.011/68.615 con đạt 90% KH bằng 99% so với cùng kỳ năm 2020; đàn gia cầm (*gà, vịt, ngan, ngỗng*) 1.975.659/1.769.800 con đạt 112% KH, bằng 99% so với cùng kỳ; đàn lợn 136.562/149.500 con đạt 91% KH, tăng 06% so với cùng kỳ năm 2020; đàn dê 16.792/19.700 con đạt 85% KH, tăng 01% so với cùng kỳ năm 2020.

2.2. Công tác thú y

- Công tác phòng bệnh cho đàn vật nuôi: Để kịp thời phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi trên địa bàn tỉnh, ngay từ đầu năm ngành đã chủ động tham mưu cho UBND tỉnh ban hành văn bản chỉ đạo các địa phương thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi, thủy sản: Tổ chức phun 7.583 lít thuốc tiêu độc khử trùng chuồng trại, khu vực chăn nuôi, đường làng, ngõ xóm và khu vực tiêu hủy gia súc không chế bệnh dịch bệnh. Tiêm phòng bệnh lở mồm long móng, tụ huyết trùng và viêm da nổi cục cho trâu bò, đại chó được 97.417/126.305 liều, đạt 77% KH, bằng 96% so với cùng kỳ năm 2020.

- Công tác chống dịch bệnh cho đàn vật nuôi²:

+ *Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi* xảy ra tại 1.195 hộ; 316 thôn; 69 xã, phường, thị trấn thuộc 08 huyện thành phố; tổng số lợn mắc bệnh tiêu hủy là 5.279 con với trọng lượng 239.617 kg; hiện nay có 26 xã đã công bố hết dịch; 06 xã qua 21 ngày đang hoàn thiện thủ tục công bố hết dịch và 37 xã chưa qua 21 ngày.

+ *Bệnh Viêm da nổi cục* xảy ra tại 1.110 hộ, 329 thôn, 73 xã, phường, thị trấn thuộc 08 huyện thành phố; tổng số trâu, bò mắc bệnh 2.780 con, trong đó bị chết 200 con, đã điều trị khỏi 2.395 con, đang điều trị 185 con; hiện nay có 26 xã đã công bố hết dịch, 22 xã có trâu, bò khỏi bệnh đã qua 21 ngày đang thẩm định công bố hết dịch, 25 xã chưa qua 21 ngày.

+ *Bệnh Lở mồm long móng* xảy ra tại 20 hộ, 07 thôn, 07 xã, thị trấn thuộc huyện Chợ Đồn, Bạch Thông, Chợ Mới tổng số trâu, bò mắc bệnh 106 con, trong đó bị chết 01 con bò, đã điều trị khỏi 105 con.

Ngoài ra, tại các địa phương khác rải rác xảy ra ổ dịch nhỏ, như: Bệnh Tụ huyết trùng, lép tô lợn, newcastle gà,... đã được người dân phát hiện, báo cho cơ quan chuyên môn điều trị kịp thời không để ổ dịch lây lan.

- Công tác kiểm soát giết mổ và kiểm dịch vận chuyển: Trong 9 tháng đầu năm cơ quan chuyên môn đã kiểm dịch vận chuyển động vật, sản phẩm động vật xuất ra ngoài tỉnh với số lượng: Trâu, bò, ngựa 5.969 con; lợn 16.620 con, gà 700 con; kiểm soát giết mổ, kiểm tra vệ sinh thú y tại các chợ: Trâu, bò 765 con; lợn 15.046 con; gia cầm 23.468 con; kiểm soát vận chuyển động vật, sản phẩm động vật tại các đầu mối giao thông: Trâu, bò thịt 30.815 con, lợn 28.871 con, gia cầm 264.317 con, sản phẩm động vật 70.700 kg; chó thịt 250 con. Xử phạt

² Số liệu cập nhật ngày 21/9/2021.

66,5 triệu đồng/15 vụ vi phạm vận chuyển động vật; thu gần 77 triệu đồng phí tiêu độc khử trùng/1.918 lượt xe vận chuyển động vật, sản phẩm động vật.

3. Thủy sản

Diện tích nuôi trồng thủy sản đã thực hiện khoảng 1.372/1.404 ha đạt 98% kế hoạch, sản lượng ước đạt 2.632/2.605 tấn đạt 101% kế hoạch, ngoài ra còn có 57 lồng nuôi với thể tích khoảng 2.407 m³. Trại giống thủy sản cung ứng được 10/13 tấn cá giống, đạt 77% kế hoạch.

(Chi tiết các chỉ tiêu nông nghiệp, thủy sản tại biểu số 01 kèm theo)

4. Lâm nghiệp

- Diện tích đăng ký trồng cây phân tán và đăng ký trồng lại rừng sau khai thác là 4.979 ha, diện tích rừng đã trồng 4.979/3.570 ha đạt 139% kế hoạch (*trồng lại sau khai thác, người dân tự trồng mới 3.308 ha, trồng cây phân tán 1.671 ha*). Diện tích chăm sóc rừng trồng từ năm 2018-2020 là 2.295 ha. Thực hiện giao khoán bảo vệ rừng tự nhiên phòng hộ, sản xuất chuyên tiếp năm 2020 là 75.339,1 ha; giao khoán bảo vệ rừng đặc dụng 18.419,88 ha/29.919 ha; hỗ trợ phát triển cộng đồng thôn bản vùng đệm 99/99 cộng đồng. (Kim Hỷ 41 thôn, Nam Xuân Lạc 13 thôn, VQG Ba Bê 45 thôn) đảm bảo theo quy định.

(Chi tiết tại biểu số 02 kèm theo)

- Công tác quản lý bảo vệ rừng: Tổ chức 443 cuộc tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng với 17.597 lượt người tham gia. Thực hiện tốt việc trực phòng cháy chữa cháy, thường xuyên tổ chức tuần tra vùng trọng điểm nhằm xử lý kịp thời các tình huống xảy ra; trong 9 tháng đầu năm xảy ra 06 vụ cháy rừng, thiệt hại 4,3ha. Lập biên bản 342 vụ vi phạm Luật bảo vệ và phát triển rừng, tịch thu 519 m³ gỗ các loại (tăng 43 m³ gỗ so với cùng kỳ năm 2020), trong đó, phát, phá rừng trái phép là 185 vụ, tổng diện tích thiệt hại trên 62 ha (tăng 50 vụ, diện tích thiệt hại tăng 22 ha so với cùng kỳ); tổng các khoản thu nộp ngân sách Nhà nước trên 4,6 tỷ đồng.

- Công tác theo dõi, kiểm tra, giám sát khai thác lâm sản: Việc khai thác lâm sản của các chủ rừng trên địa bàn, đặc biệt khai thác cây gỗ tự nhiên mọc xen trong diện tích rừng trồng được các Hạt Kiểm lâm, kiểm lâm địa bàn thực hiện quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ. Từ đầu năm đến nay sản lượng khai thác là 240.476/287.000 đạt 84% kế hoạch.

- Hoạt động tại các khu bảo tồn: Tiếp tục thực hiện hỗ trợ cho cộng đồng thôn vùng đệm; tổ chức tuần tra và truy quét được 530 lượt ngày với 2.368 người tham gia. Số cửa xăng đã được cấp GCN sử dụng tại 02 khu bảo tồn là 640/640 chiếc đạt 100% số lượng, trong đó thực hiện quản lý tập trung tại khu bảo tồn thiên nhiên Kim Hỷ là 202/409 chiếc, đạt 49%. Việc kiểm tra, truy quét tập trung tại các khu vực trọng điểm có nguy cơ khai thác rừng, khai thác khoáng sản trái phép góp phần hiệu quả trong phòng ngừa, ngăn chặn và phát hiện sớm các hành vi vi phạm trong khu bảo tồn.

- Tình hình dịch hại cây lâm nghiệp: *Sâu ong* phát sinh và gây hại 68 ha cây mỡ tại huyện Bạch Thông, Pác Nặm, Chợ Đồn, Chợ Mới và Thành phố Bắc

Kạn, diện tích nhiễm cao hơn 24 ha so với cùng kỳ năm trước. Tại huyện Ngân Sơn và Na Rì *châu chấu tre* lung vàng đang gây hại 478 ha cây vầu, 05 ha cây ngô và 6,5 ha cây lúa. Ngành phối hợp với các địa phương chỉ đạo, hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp phòng trừ hiệu quả, nhằm hạn chế thấp nhất thiệt hại.

5. Các hoạt động khác

5.1. Công tác thủy lợi, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn

- Công tác thủy lợi: Tiếp tục tổ chức triển khai Luật Thủy lợi và các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; xây dựng phương án phòng chống hạn hán, thiếu nước vụ Xuân; tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định phê duyệt diện tích được hỗ trợ tiền sử dụng sản phẩm, dịch vụ công ích thủy lợi. Tham mưu dự thảo nghị quyết Quy định mức hỗ trợ phát triển thủy lợi nhỏ, thủy lợi nội đồng và tưới tiên tiến, tiết kiệm nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn. Chỉ đạo các địa phương và Công ty TNHH MTV quản lý khai thác công trình thủy lợi bảo đảm an toàn công trình thủy lợi trong mùa mưa, lũ; quản lý, thành lập tổ chức thủy lợi tại cơ sở; vận động nhân dân thực hiện nạo vét, phát dọn, sửa chữa kênh mương, các công trình thủy lợi để đảm bảo cấp nước phục vụ sản xuất.

- Công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn (PCTT-TKCN): Triển khai đầy đủ, kịp thời các công điện, kết luận, văn bản chỉ đạo các đơn vị, địa phương chủ động trong công tác phòng tránh ứng phó với rét đậm, rét hại, mưa, lốc, theo dõi chặt chẽ diễn biến thiên tai để chủ động phòng ngừa; thường xuyên cập nhật các thông tin dự báo cảnh báo thiên tai, phối hợp với đơn vị địa phương truyền tải các thông tin dự báo cảnh báo đến chính quyền các cấp và người dân để chủ động chỉ đạo ứng phó, phòng tránh; kịp thời chỉ đạo, khắc phục khi thiên tai xảy ra. Tham mưu chỉ đạo việc thu, chi quỹ phòng chống thiên tai đúng quy định. Phối hợp với Sở Văn hóa, thể thao và Du lịch, các đơn vị, địa phương triển khai hưởng ứng tham gia cuộc thi "Sáng tác lời mới cho làn điệu dân ca và nhạc cổ truyền về phòng chống thiên tai",...

Trong 9 tháng đầu năm trên địa bàn tỉnh xảy ra các các hình thái thiên tai như rét đậm, rét hại, mưa dông, lốc và mưa đá nhỏ ảnh hưởng đến đời sống nhân dân và sản xuất nông nghiệp, cụ thể: 03 người chết, 04 người bị thương; 2.072 nhà ở bị tốc mái, hư hỏng; đường giao thông khoảng 23 nghìn khối đất đá sạt lở; 757 ha hoa màu bị ảnh hưởng; 08 ha thủy sản bị vỡ, tràn bờ,... Ước thiệt hại khoảng 32 tỷ đồng.

5.2. Công tác Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản

Tham mưu UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động bảo đảm an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2021 và chủ động ban hành Kế hoạch hậu kiểm về an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp. Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả đến các huyện, thành phố về công tác quản lý chất lượng VTNN và an toàn thực phẩm nông lâm thủy sản trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn cơ sở sản xuất, kinh doanh thủ tục cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trong nông lâm thủy sản. Tiếp nhận và giải quyết 08 thủ tục thành chính, cấp 07 giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm và

01 cơ sở xin rút hồ sơ; hồ trợ xác nhận 04 chuỗi an toàn thực phẩm. Tiếp tục hỗ trợ, kiểm tra HTX hạt dẻ tại xã Đức Vân, huyện Ngân Sơn thực hiện việc bón phân hữu cơ hỗ trợ chuỗi giá trị dẻ được chứng nhận hữu cơ theo quy định.

Phối hợp với Đài phát thanh - Truyền hình phát sóng 14 lượt tin bài về chủ đề “an toàn thực phẩm trong nông lâm thủy sản”; Phối hợp với Ủy ban mặt trận tổ quốc, Hội nông dân, Hội phụ nữ tỉnh cấp phát 06 bộ tài liệu tuyên truyền quản lý chất lượng VTNN, an toàn thực phẩm trong nông lâm thủy sản.

Thông tin chế biến thị trường nông sản: Tổ chức thống kê, rà soát thu thập thông tin trên địa bàn toàn tỉnh với 80 đơn vị bao gồm: 08 cơ quan chuyên môn cấp huyện và 72 doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất, chế biến sản phẩm nông lâm sản (08 doanh nghiệp, 64 hợp tác xã), trong đó 51 doanh nghiệp, hợp tác xã hoạt động sản xuất, kinh doanh một mặt hàng; sản xuất, chế biến trên 02 mặt hàng là 21 đơn vị.

5.3. Công tác phát triển nông thôn

- Phát triển kinh tế hợp tác: Chỉ đạo các địa phương triển khai thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế tập thể, hợp tác xã trong lĩnh vực nông nghiệp, phát triển ngành nghề nông thôn. Xây dựng Kế hoạch phát triển kinh tế tập thể trong lĩnh vực nông nghiệp năm 2022 và giai đoạn 2021-2025. Hướng dẫn thành lập tổ hợp tác, hợp tác xã tại cơ sở; thành lập mới được 40 hợp tác xã (HTX), nâng tổng số HTX nông nghiệp trên địa bàn tỉnh lên 212; ngoài ra còn có 150 tổ hợp tác và 08 trang trại chăn nuôi. Đôn đốc, kiểm tra tiến độ thi công, hoàn thiện hồ sơ thanh quyết toán đối với dự án Xây dựng xưởng sơ chế, chế biến, sân phơi, nhà kho cho hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020 và dự án Xây dựng đường trục chính giao thông nội đồng vùng cam, quýt cho hợp tác xã nông nghiệp năm 2019-2020. Tổ chức họp xét lựa chọn danh mục, chỉ đạo, kiểm tra dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp năm 2021 theo kế hoạch.

- Chương trình sắp xếp bố trí dân cư: Hoàn thiện hồ sơ, thanh quyết toán Phương án bố trí dân cư xen ghép tỉnh Bắc Kạn năm 2020 trình Sở Tài chính thẩm định phê duyệt. Tham mưu bố trí 03 hộ dân tại huyện Chợ Đồn thuộc đối tượng vùng thiên tai vào khu Dự án di dời khẩn cấp 16 hộ dân tại vùng sạt lở; tham mưu UBND tỉnh bố trí ổn định dân cư cho 143 hộ gia đình vùng nguy cơ thiên tai cao (dự kiến thực hiện năm 2021 là 38 hộ, năm 2022 là 105 hộ).

5.4. Xây dựng nông thôn mới

Văn phòng Điều phối nông thôn mới đã triển khai văn bản yêu cầu UBND các xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới năm 2021 rà soát kế hoạch, phân công nhiệm vụ, đề ra các giải pháp thực hiện hoàn thành các tiêu chí xã nông thôn mới, nguồn vốn đã được UBND các huyện giao cho các xã triển khai, thực hiện. Tiến độ như sau:

- 06 xã dự kiến đạt chuẩn nông thôn mới:

+ Xã Bộc Bó, huyện Pác Nặm: Xã đánh giá đạt 17/19 tiêu chí; còn 2 tiêu chí chưa đạt, gồm: Thu nhập, hộ nghèo.

+ Xã Cường Lợi, huyện Na Rì: Xã đánh giá đạt 16/19 tiêu chí; còn 3 tiêu chí chưa đạt, gồm: Giao thông, trường học, thu nhập.

+ Xã Quân Hà, huyện Bạch Thông: Xã đánh giá đạt 16/19 tiêu chí; còn 3 tiêu chí chưa đạt, gồm: Cơ sở vật chất văn hóa, thu nhập, môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn: Xã đánh giá đạt 13/19 tiêu chí; còn 6 tiêu chí chưa đạt, gồm: Trường học, cơ sở vật chất văn hóa, nhà ở dân cư, thu nhập, môi trường và an toàn thực phẩm, hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật.

+ Xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể: Xã đánh giá đạt 12/19 tiêu chí; còn 7 tiêu chí chưa đạt, gồm: Quy hoạch, trường học, cơ sở vật chất văn hóa, thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư, thu nhập, môi trường và an toàn thực phẩm.

+ Xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới: Xã đánh giá đạt 10/19 tiêu chí; còn 9 tiêu chí chưa đạt, gồm: Quy hoạch, giao thông, cơ sở vật chất văn hóa, cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn, thông tin và truyền thông, nhà ở dân cư, thu nhập, tổ chức sản xuất, quốc phòng và an ninh.

- Xã đạt chuẩn NTM nâng cao: 02 xã Kim Lư và Quang Thuận đã đạt chuẩn xã nông thôn mới nâng cao năm 2020 tiếp tục xây dựng kế hoạch duy trì, nâng cao chất lượng các tiêu chí nông thôn mới nâng cao đã đạt; 13 xã đã đạt chuẩn nông thôn mới tiếp tục nâng cao chất lượng các tiêu chí xã nông thôn mới đã đạt và triển khai thực hiện các tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao.

- Thôn đạt chuẩn nông thôn mới: Tập trung chỉ đạo địa phương có các thôn thuộc kế hoạch đạt chuẩn thôn nông thôn mới năm 2021 triển khai thực hiện thôn nông thôn mới năm 2021 theo quy định.

- Hoàn thiện hồ sơ, tham mưu UBND tỉnh trình Bộ Nông nghiệp và PTNT thẩm định thành phố Bắc Kạn hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

- Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP): Đã tham mưu UBND tỉnh ban hành Đề án giai đoạn 2021-2025; kế hoạch thực hiện Chương trình OCOP năm 2021. Tổ chức 01 lớp tập huấn cho cán bộ thực hiện Đề án các cấp với người 42/48 tham gia đạt 88% KH, tổ chức trao đổi học tập kinh nghiệm phát triển các điểm du lịch, triển khai chu trình OCOP tại tỉnh Hà Giang với người 45/54 người tham gia, đạt 83% KH. Xét duyệt đạt 82/108 sản phẩm đủ điều kiện đăng ký đạt tiêu chí tham gia, trong đó 77 sản phẩm tham gia năm 2021 và 5 sản phẩm nâng hạng sao. Thông báo cho các huyện, thành phố để có kế hoạch hỗ trợ các chủ thể hoàn thiện sản phẩm tham gia đánh giá phân hạng năm 2021.

5.5. Công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

Phối hợp với các địa phương tổ chức, triển khai chọn hộ, chọn điểm thực hiện 07 mô hình trình diễn³, 02 dự án năm 2021. Hiện nay, các chương trình đã

³ 06 mô hình: Sản xuất lúa hàng hóa gắn với liên kết tiêu thụ sản phẩm; chăn nuôi lợn địa phương quy mô nông hộ đảm bảo vệ sinh môi trường có sử dụng máy chế biến thức ăn chăn nuôi đa năn; nuôi trồng thủy sản thâm canh theo hướng an toàn sinh học; nuôi cá lồng; liên kết sản xuất cây và tiêu thụ sản phẩm cây dược liệu; hình Khoanh nuôi tái sinh, làm giàu rừng tự nhiên nghèo kiệt; nuôi vịt bầu cỏ xanh.

được tập huấn, hỗ trợ giống, vật tư. Qua kiểm tra, theo dõi các mô hình đều sinh trưởng và phát triển tốt; riêng mô hình sản xuất lúa hàng hóa theo hướng nâng cao giá trị gia tăng gắn với tiêu thụ sản phẩm (20 ha) đã tổ chức hội thảo, năng suất đạt 65 tạ/ha, tăng 09 tạ/ha so với năng suất trung bình của tỉnh. Phối hợp với Viện Thủy Lợi thực hiện mô hình trồng rừng hỗn giao kết hợp cây dược liệu làm giảm thiểu xói mòn, bồi lấp lòng hồ, lưu vực hồ Ba Bể tại xã Đồng Phúc, huyện Ba Bể; phối hợp thực hiện chuỗi liên kết tiêu thụ sản phẩm 12 ha ngô ngọt, hiện đã cho thu hoạch, sản lượng ngô do công ty thu mua trên 130 tấn.

Tổ chức tập huấn 16 lớp cho 330 người tham gia với các nội dung về kỹ thuật trồng rừng, chăn nuôi, thủy sản,... bằng 64% so với cùng kỳ năm 2020.

5.6. Chương trình nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn

Theo dõi, đôn đốc triển khai thực hiện các nhiệm vụ cấp nước sạch nông thôn, chương trình mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả năm 2021. Tổ chức lựa chọn nhà thầu, chỉ đạo thi công 05 công trình cấp nước sinh hoạt tại các huyện Bạch Thông, Ngân Sơn, Chợ Mới và Chợ Đồn, tiến độ ước đạt 96% kế hoạch. Hoàn thiện hồ sơ trình Sở Tài chính thẩm tra phê duyệt quyết toán dự án hoàn thành 15 công trình cấp nước sinh hoạt đã thi công và đưa vào sử dụng năm 2020. Tổ chức 05 lớp tập huấn về Sổ tay hướng dẫn vận hành và quản lý các công trình cấp nước cho 130 là cán bộ phụ trách, tổ quản lý vận hành công trình cấp nước tại cơ sở.

5.7. Công tác thanh tra, kiểm tra

Thanh tra Sở và Thanh tra chuyên ngành phối hợp với các đơn vị, địa phương liên quan tổ chức thanh, kiểm tra được 01 cuộc, trong đó tổ chức triển khai 01 cuộc kiểm tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng tại Hạt Kiểm lâm thành phố và Hạt Kiểm lâm huyện Ngân Sơn; thanh tra 01 cuộc trên diện rộng 20 cơ sở nuôi động vật hoang dã. Sở đã ban hành Thông báo kết quả kiểm tra và kết luận thanh tra, không có sai phạm nghiêm trọng, yêu cầu tổ chức, cá nhân rút kinh nghiệm, khắc phục một số tồn tại hạn chế đã chỉ ra. Thực hiện 02 đợt kiểm tra công tác an toàn thực phẩm trong lĩnh vực nông nghiệp tại 8 huyện, thành phố và 52 cơ sở, lấy 42 mẫu⁴ rau, củ, thịt,... Kết quả kiểm tra các cơ sở chấp hành đúng quy định, 42 mẫu phân tích đảm bảo an toàn thực phẩm. Lấy 20 mẫu giống lúa, 18 mẫu phân bón, 10 mẫu thuốc bảo vệ thực vật tại các cơ sở buôn bán trên địa bàn tỉnh. Kết quả phân tích đa số các mẫu đều đạt chỉ tiêu chất lượng chính. Tuy nhiên vẫn còn một số mẫu phân bón, thuốc bảo vệ thực vật có hàm lượng từng chỉ tiêu chưa nằm trong mức sai lệch so với mức đăng ký được chấp nhận, không đạt tiêu chuẩn. Ngành đã có văn bản đề nghị các cơ sở trên liên hệ với nhà sản xuất, nhà phân phối thực hiện các biện pháp khắc phục, xử lý, đồng thời giao phòng Nông nghiệp và PTNT theo dõi, giám sát việc khắc phục và xử lý tại cơ sở.

Trong 09 tháng đầu năm tiếp nhận 06 đơn thư kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo. Trong đó có 04 đơn thuộc thẩm quyền giải quyết; 02 đơn tố cáo đã

⁴ Trong 42 mẫu có 25 mẫu kiểm tra nhanh hàm lượng Nitrat trên rau củ quả, 17 mẫu có nguồn gốc động vật, thực vật, thủy sản gửi đơn vị phân tích mẫu kiểm tra dư lượng thuốc bảo vệ thực vật, kháng sinh, chất kích thích tăng trưởng, vi sinh vật.

ban hành kết luận, 02 đơn khiếu nại đang được xử lý theo quy định.

5.8. Công tác xây dựng cơ bản

- Thực hiện nhiệm vụ chuyên ngành: Thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hoạt động đầu tư xây dựng, tổ chức thẩm định 06 công trình; kiểm tra, chấp thuận nghiệm thu hoàn thành 05 công trình: Hạng mục thu dọn lòng hồ thuộc dự án Hồ chứa nước Nậm Cắt và kè chống sạt lở bờ sông tại huyện Bạch Thông; công trình tại xã Yên Phong và Nam Cường huyện Chợ Đồn.

- Tiến độ thực hiện các dự án là chủ đầu tư: Kế hoạch vốn được giao năm 2021 (bao gồm cả nguồn năm trước chuyển sang: 28.213,2 triệu đồng, đã giải ngân 14.632,3 triệu đồng đạt 51,8% kế hoạch giao, trong đó:

+ Nguồn vốn cân đối ngân sách địa phương: 1.851,2/3.474 triệu đồng đạt 53,2% kế hoạch.

+ Nguồn vốn Trung ương: 6.817/13.883 triệu đồng đạt 49,1% kế hoạch

- Nguồn vốn CTMT, CTMTQG đã giải ngân 3.700/7.856,2 triệu đồng đạt 47% kế hoạch.

- Nguồn vốn vay ODA đã giải ngân 564/3.000 triệu đồng đạt 18,8% KH.

(chi tiết tại biểu 03 kèm theo)

- Tiến độ thực hiện các dự án:

+ Dự án Cải tạo, sửa chữa trụ sở làm việc liên cơ quan Chi cục Chăn nuôi và Thú y – Chi cục Trồng trọt và BVTV- Chi cục QLCL NLS và Thủy sản – Trung tâm Khuyến nông: Giải ngân 245/474 triệu đồng đạt 52% KH, đã thực hiện xong nhiệm vụ và được phê duyệt quyết toán hoàn thành dự án, số kinh phí còn dư 228,782 triệu đồng, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành văn bản gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư xin điều chỉnh sang dự án khác.

+ Công trình xây dựng đường lâm nghiệp năm 2020 thuộc Dự án bảo vệ và phát triển rừng tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2011-2020: Đã thực hiện đạt 90% khối lượng theo hợp đồng, hiện đang tiến hành thực hiện phần khối lượng phát sinh, dự kiến xong trước ngày 30/9/2021. Giải ngân 2.000/4.258 triệu đồng đạt 47% KH, đạt 100% so với cam kết giải ngân.

+ Dự án Đường lâm nghiệp tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021-2025: (thuộc dự án trọng điểm của tỉnh): Khối lượng khảo sát lập dự án đầu tư đạt 80% khối lượng, hiện đảm bảo theo tiến độ đã cam kết được chấp thuận tại văn bản số 5355/UBND-CTCNXD ngày 17/8/2021.

+ Hoàn thiện hồ sơ hoàn công 02 công trình thuộc Dự án hỗ trợ phát triển kết cấu hạ tầng cho hợp tác xã nông nghiệp thuộc Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016-2020, gửi cơ quan chuyên môn xem xét công tác nghiệm thu bàn giao đưa công trình khai thác sử dụng. Tuy nhiên còn vướng mắc chưa đủ điều kiện bàn giao do điều chỉnh cắt giảm quy mô đối với công trình đường giao thông và bổ sung đường dây trạm biến áp công trình nhà xưởng, hiện đang trình UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh.

6. Thực hiện nhiệm vụ chủ đầu tư các chương trình, dự án

- Hoạt động dự án “Quản lý rừng bền vững và đa dạng sinh học nhằm giảm phát thải khí CO₂” (KfW8): Tổ chức triển khai tại huyện Ngân Sơn và Chợ Mới bao gồm các nội dung sau: Công tác giám sát khai thác tía thưa 148/300 ha đạt 49% KH; giám sát người dân trồng rừng dưới tán 91/150 ha đạt 61% KH; chăm sóc rừng trồng 130/130 ha đạt 100% KH; đánh dấu cây tía thưa đạt 46/60 ha đạt 77% KH; tổ chức tập huấn kỹ thuật quản lý bảo vệ rừng và các chuyên đề lâm sinh 40/150 lớp cho 920 người tham gia đạt 27% KH. Tiến độ giải ngân đạt 2.652/5.000 triệu đồng, đạt 53%KH, trong đó vốn ODA 1.046 triệu đồng, đạt 52% kế hoạch, vốn đối ứng 1.606 triệu đồng, đạt 54% kế hoạch.

- Chương trình Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của Chính Phủ: Đã giải ngân được 2.592.881.500 đồng/5.378.000.000 đồng KH, đạt 48,21%, bao gồm các nội dung:

+ Hoạt động Phân tích chất lượng hóa lý tính đất chuyên trồng lúa nước: Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì phối hợp với các địa phương tổ chức lấy 120 mẫu, trong đó 40 mẫu đất, nước phục vụ cho đánh giá điều kiện thực hiện sản xuất lúa hữu cơ, 80 mẫu đất phục vụ cho đánh giá chất lượng đất tại những vùng sản xuất lúa nước trọng điểm của các địa phương, gồm 13 chỉ tiêu; đồng thời thực hiện các thủ tục lựa chọn nhà thầu Phân tích chất lượng hóa lý tính đất chuyên trồng lúa nước năm 2021 với đơn vị đủ năng lực theo quy định. Hiện nay đã tổ chức nghiệm thu kết quả phân tích tích mẫu đất; đồng thời thông báo và khuyến cáo, định hướng biện pháp tác động đối với diện tích chuyên trồng lúa nước trên địa bàn tỉnh Bắc Kạn đến các địa phương.

+ Hoạt động Xây dựng, duy tu bảo dưỡng các công trình thủy: Triển khai thực hiện xây dựng, duy tu, bảo dưỡng các công trình năm 2021, tổ chức lựa chọn xong nhà thầu tư vấn lập báo cáo kinh tế kỹ thuật, tổ chức khởi công để thực hiện xây dựng 04 cụm công trình thủy lợi tại xã Vũ Muộn, Lục Bình, huyện Bạch Thông và xã Yên Phong huyện Chợ Đồn. Tiến độ thực hiện theo đúng tiến độ.

- Dự án “Hỗ trợ kinh doanh cho nông hộ” (CSSP): Đã giải ngân được 183.716.000 đồng/215.853.000 kinh phí được chuyển để thực hiện, đạt 85%, bao gồm các nội dung:

+ Kế hoạch lồng ghép thích ứng với biến đổi khí hậu (BĐKH): Đã tổ chức được 01 khóa hướng dẫn nâng cao năng lực và phương pháp điều tra cho người tham gia điều tra khảo sát tác động của BĐKH trong nông nghiệp với 84/95 người tham gia. Tổ chức ký hợp đồng với Đài Khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Kạn về việc khai thác thông tin khí tượng thủy văn tỉnh Bắc Kạn trong vòng 20 năm (từ năm 2001 đến năm 2020) để phục vụ công tác xây dựng kế hoạch. Tổ chức điều tra, khảo sát tác động của BĐKH, phỏng vấn 469 người tại 08 huyện, thành phố; đã bàn giao kết quả cho đơn vị tư vấn. Hiện nay, ngành đang phối hợp với Ban ĐPDA CSSP tỉnh đôn đốc và chỉ đạo đơn vị tư vấn xây dựng kế hoạch thích ứng BĐKH, nghiên cứu góp ý hoàn thiện dự thảo kế hoạch.

+ Tổ chức kiểm tra, giám sát, nghiệm thu hoạt động giao rừng có sự tham gia của người dân: Đã lập báo cáo kết quả giám sát tại bước 1,2,3, 4 và đang tiếp tục hoàn thiện bước 5 theo nội dung Sổ tay hướng dẫn giao rừng.

+ Các nhóm đồng sở thích để thích ứng với BĐKH: Tổ chức triển khai thực hiện phát triển chuỗi giá trị cây dẻ, tổ chức hướng dẫn, kiểm tra việc áp dụng quy định của tiêu chuẩn hữu cơ, ghi chép sổ nhật ký sản xuất, chuẩn bị hồ sơ để đánh giá chứng nhận sản xuất đạt tiêu chuẩn hữu cơ theo quy định.

7. Hệ thống quản lý ngành; công tác cải cách hành chính

- Kiện toàn tổ chức bộ máy quản lý, phát triển nguồn nhân lực: Thành lập Tổ xây dựng Đề án sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế; xây dựng Phương án sắp xếp tổ chức bộ máy, biên chế khối cơ quan hành chính và khối đơn vị sự nghiệp. Thực hiện rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý giai đoạn 2020-2025 diện Ban thường vụ Tỉnh ủy, diện Ban cán sự đảng UBND tỉnh quản lý và các chức vụ thuộc thẩm quyền. Tham mưu thực hiện quy trình giới thiệu 03 người ứng cử đại biểu HĐND tỉnh nhiệm kỳ 2021-2026. Căn cứ số lượng biên chế được giao, ngành đã phân bổ cho các phòng, đơn vị để đảm bảo thực hiện nhiệm vụ. Trong 9 tháng đầu năm thực hiện quy trình bổ nhiệm, điều động, hoàn thiện thủ tục nghỉ hưu, thẩm định hồ sơ nâng lương, xét cử cán bộ tham gia các lớp đào tạo bồi dưỡng chính trị, chuyên môn theo quy định⁵,...

- Công tác cải cách thủ tục hành chính (TTHC): Ban hành kế hoạch cải cách chính, kế hoạch kiểm tra, tuyên truyền, kiểm soát thủ tục về công tác cải cách hành chính. Thực hiện đánh giá, chấm điểm việc tiếp nhận, giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông của đơn vị. Chỉ đạo các phòng, đơn vị trực thuộc tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong giải quyết TTHC liên thông giữa các sở, ban, ngành với UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh; rà soát, kiện toàn đội ngũ công chức đầu mối thực hiện nhiệm vụ kiểm soát TTHC tại Văn phòng Sở các đơn vị trực thuộc.

Trong 9 tháng đầu năm 2021, đã tiếp nhận và giải quyết 197 thủ tục hành chính của các tổ chức, cá nhân; đã tổ chức rà soát 12 TTHC theo kế hoạch, công bố 07 thủ tục ban hành mới, 04 thủ tục bãi bỏ, sửa đổi, bổ sung 31 thủ tục. Tham mưu xây dựng ban hành các kế hoạch CCHC, kiểm soát TTHC, rà soát, đánh giá TTHC, tổ chức kiểm tra công tác CCHC theo quy định.

Việc áp dụng hệ thống phần mềm một cửa được thực hiện đúng trình tự quy định, phục vụ tốt nhu cầu của người dân, doanh nghiệp; bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở đã tiếp nhận 197 hồ sơ, trong đó: (10 hồ sơ từ kỳ trước chuyển sang và 187 hồ sơ tiếp nhận trong kỳ), 174 hồ sơ đã giải quyết, trả đúng hạn; 10 hồ sơ đang giải quyết trong hạn, chờ bổ sung 01 hồ sơ, trả lại 12 hồ sơ; không có hồ sơ giải quyết quá hạn.

⁵ Bổ nhiệm 09 công chức, viên chức, bổ nhiệm lại 08 công chức, viên chức; tổ chức tiếp nhận và điều động 17 công chức, viên chức; điều động, bổ nhiệm 06 công chức, viên chức; điều động 04 công chức, viên chức; ban hành Quyết định và thông báo nghỉ hưu cho 17 công chức, viên chức; thẩm định hồ sơ nâng lương, phụ cấp thâm niên cho 39 công chức, viên chức; xem xét quyết định nâng lương cho 33 công chức, viên chức, phụ cấp thâm niên 06 công chức, viên chức.

- Hiện nay 100% văn bản đi, đến của Sở được thực hiện trên môi trường mạng qua phần mềm quản lý văn bản và hồ sơ công việc (trừ văn bản mật), việc sử dụng hòm thư điện tử công vụ trong trao đổi thông tin, tài liệu phục vụ nhiệm vụ chuyên môn góp phần giảm chi phí, thời gian, thuận lợi, đảm bảo an toàn thông tin trong quá trình làm việc,... Trong 9 tháng đầu năm 2021, tổng số văn bản được trao đổi dưới dạng điện tử của Sở Nông nghiệp và PTNT là 11.032 văn bản đến và 2.806 văn bản đi. Phần mềm ký số được Sở Nông nghiệp và PTNT sử dụng đảm bảo đúng quy định, 100% văn bản ban hành đi được ký số do Ban Cơ yếu Chính phủ cấp (trừ văn bản mật); việc sử dụng chữ ký số chuyên dùng để thực hiện giao dịch với các đơn vị như Kho bạc Nhà nước, Thuế, Bảo hiểm xã hội được đẩy mạnh.

- Công thông tin điện tử của Sở: Cập nhật tin bài và đăng tải các văn bản chỉ đạo điều hành của Sở. Phối hợp với Đoàn Thanh tra Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Bắc Kạn tiến hành kiểm tra, rà soát tình hình hoạt động của Cổng thông tin điện tử, đến nay đã có 105 tin bài được đăng tải.

8. Thực hiện nhiệm vụ được UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao

Tổng số nhiệm vụ UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh giao từ 01/01/2021 đến nay là: 2.330 nhiệm vụ, trong đó số nhiệm vụ có quy định thời hạn là 264 nhiệm vụ, không quy định thời hạn là 2.066 nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 2.292 nhiệm vụ, trong đó:

+ Số nhiệm vụ hoàn thành đúng thời hạn: 2.250 nhiệm vụ.

+ Số nhiệm vụ hoàn thành sau thời hạn quy định: 42 nhiệm vụ.

- Số nhiệm vụ chưa hoàn thành trong hạn là 38 nhiệm vụ, 01 nhiệm vụ chưa hoàn thành sau thời hạn.

9. Công tác thống kê, tổng hợp, báo cáo: Đa số các phòng ban, đơn vị đã thực hiện việc báo cáo đáp ứng theo yêu cầu. Tuy nhiên, vẫn còn một số đơn vị báo cáo chưa kịp thời, nội dung sơ sài, số liệu không thống nhất giữa các kỳ báo cáo, không thống nhất với cơ quan Thống kê,... gây khó khăn trong công tác tổng hợp, tham mưu cho lãnh đạo Sở chỉ đạo điều hành.

II. TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH HÀNH ĐỘNG

Thực hiện chương trình hành động của UBND tỉnh, Sở Nông nghiệp và PTNT đã ban hành Quyết định số 27/QĐ-SNN về việc ban hành kế hoạch thực hiện chương trình hành động tại Quyết định số 89/QĐ-UBND, ngày 20/01/2021 và Quyết định 2268/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021, tiến độ thực hiện các nhiệm vụ cụ thể như sau:

Tổng số nhiệm vụ được giao: 23 nhiệm vụ, trong đó *(15 nhiệm vụ giao ngành Nông nghiệp và PTNT, 08 nhiệm vụ giao Văn phòng Điều phối nông thôn mới)*.

Số nhiệm vụ đã hoàn thành: 12 nhiệm vụ

Số nhiệm vụ đang thực hiện: 11 nhiệm vụ theo đúng thời gian quy định.

(chi tiết tại biểu 04 kèm theo)

III. Kết quả thực hiện Quy chế phối hợp công tác giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với UBND các huyện, thành phố; Quy chế phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Cục Thống kê

- Quy chế Phối hợp công tác giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với UBND các huyện, thành phố trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện các chỉ tiêu phát triển kinh tế xã hội hàng năm trên địa bàn tỉnh được ký kết vào ngày 25/4/2019: Thông qua nội dung Quy chế, Sở Nông nghiệp và PTNT và UBND các huyện, thành phố đã tổ chức triển khai thực hiện, thường xuyên phối hợp để đảm bảo thực hiện và hoàn thành các chỉ tiêu kinh tế xã hội; phối hợp cập nhật tiến độ sản xuất nông nghiệp, định kỳ hàng tuần, tháng, quý, 6 tháng,...đánh giá kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao. Tuy nhiên, một số địa phương thực hiện quy chế phối hợp chưa đảm bảo như: Công tác phối hợp trong đánh giá thống kê chưa đạt hiệu quả cao, tiến độ báo cáo của một số địa phương còn chậm, thiếu các số liệu theo yêu cầu; việc tham gia góp ý đối với các nội dung do Sở Nông nghiệp và PTNT chủ trì còn mang tính hình thức, nghiên cứu chưa sâu, dẫn đến việc triển khai còn gặp những khó khăn nhất định.

- Quy chế phối hợp giữa Sở Nông nghiệp và PTNT với Cục Thống kê về công tác thống kê và chia sẻ thông tin thống kê: Hai cơ quan thường xuyên phối hợp đánh giá, ước tính, thống nhất số liệu từng chỉ tiêu trong các kỳ báo cáo nhằm đảm bảo số số liệu chính xác, phản ánh đầy đủ thực tế sản xuất theo đúng nội dung ký kết. Đến nay một số huyện đã có Quy chế phối hợp và chia sẻ thông tin thống kê với Chi cục Thống kê tại địa phương, tuy nhiên vẫn còn một số địa phương chưa triển khai thực hiện nội dung này dẫn đến một số chỉ tiêu số liệu chưa thống nhất.

IV. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Những kết quả đạt được

Trong 9 tháng đầu năm 2021 được sự quan tâm chỉ đạo của Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh, sự phối hợp tích cực của các sở, ngành, địa phương, nỗ lực của cán bộ trong ngành và bà con nông dân đã góp phần đưa giá trị gia tăng sản xuất nông nghiệp (theo giá so sánh) tăng 74 tỷ đồng so với cùng kỳ năm 2020, tăng trưởng ước đạt 3,5%, hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Sản xuất nông nghiệp diễn ra trong điều kiện thời tiết tương đối thuận lợi, năng suất cây trồng đạt khá; mặc dù dịch bệnh trên đàn vật nuôi tiếp tục bùng phát và lây lan, tuy nhiên các địa phương đã chỉ đạo khôi phục sản xuất, bước đầu tái cơ cấu ngành nông nghiệp mang lại hiệu quả.

- Các mô hình sản xuất đảm bảo an toàn thực phẩm, quy mô tập trung, sản xuất theo chuỗi giá trị được các địa phương triển khai, nhân rộng (khoai tây, ngô ngọt, bí xanh thơm, dong riềng, rau cải nhật, củ kiệu,...); chuyên đổi cây trồng, giống vật nuôi, sử dụng đất có hiệu quả hơn. Sản phẩm ngày càng nâng cao năng suất, chất lượng, giảm chi phí, mang lại hiệu quả kinh tế trong sản xuất, đáp ứng nhu cầu của thị trường trong và ngoài tỉnh.

- Thông qua các mô hình trình diễn giống mới, tỉnh đã xác định và chọn lọc được cơ cấu giống phù hợp với điều kiện canh tác của địa phương. Cơ giới hóa trong sản xuất ngày càng được đẩy mạnh như: Làm đất, chăm sóc, thu hoạch, vận chuyển, sơ chế bảo quản,...

- Các hoạt động dịch vụ, phục vụ sản xuất được tăng cường, triển khai thực hiện tốt dịch vụ tưới, tiêu đảm bảo đủ nước cho gieo cấy và chăm sóc cây trồng, hệ thống phân phối dịch vụ về vật tư, giống, phân bón, thuốc BVTV đến người dân đảm bảo yêu cầu cho sản xuất.

- Công tác quản lý, bảo vệ rừng được tăng cường, các hành vi vi phạm được lực lượng Kiểm lâm phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, đúng quy định, không để tồn đọng, kéo dài thành điểm nóng.

- Công tác chỉ đạo điều hành, hỗ trợ sản xuất có nhiều đổi mới, sáng tạo, huy động được sức mạnh của cả hệ thống chính trị chỉ đạo, hỗ trợ nông dân thi đua phát triển sản xuất. Bên cạnh đó, các chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất nông, lâm nghiệp của tỉnh, huyện, các chương trình, dự án tiếp tục được thực hiện và có vai trò tích cực trong hỗ trợ sản xuất hàng hóa, xây dựng chuỗi sản xuất liên kết với nhiều sản phẩm phong phú, đặc trưng, được thị trường ưa chuộng.

- Một số diện tích cây trồng chính thực hiện không đạt kế hoạch giao (cây thuốc lá, dong riềng, khoai môn...). Tuy nhiên người dân đã chủ động chuyển sang trồng các loại cây trồng khác theo nhu cầu thị trường, có giá trị kinh tế cao hơn, như: Cây thạch đen, cây dưa hấu, dưa lê, cây bí, cây dược liệu,... việc chuyển đổi này vẫn đảm bảo diện tích gieo trồng theo kế hoạch giao.

2. Những khó khăn, tồn tại, hạn chế

Bên cạnh những thành quả đạt được trong 9 tháng đầu năm 2021 còn một số tồn tại, hạn chế và khó khăn sau:

- Dịch tả lợn Châu Phi tái phát trở lại, giá thức ăn tăng cao gây ảnh hưởng lớn đến công tác tái đàn và tâm lý người chăn nuôi. Một số địa phương chưa định hướng, chỉ đạo quyết liệt trong công tác phát triển chăn nuôi, phòng, chống dịch bệnh động vật. Chưa có vắc xin, thuốc đặc trị bệnh dịch tả lợn Châu Phi, chỉ áp dụng các biện pháp phòng bệnh là chính dẫn đến dịch lây lan trên diện rộng; năm 2021, trung ương chưa ban hành cơ chế, chính sách, đối tượng hỗ trợ, mức hỗ trợ kinh phí trong phòng, chống bệnh DTLCP, do vậy tại các địa phương tái phát dịch chưa được hỗ trợ kinh phí đối với các hộ có lợn bị tiêu hủy.

- Tỷ lệ tiêm phòng các loại vắc xin còn thấp so với kế hoạch đề ra. Nguyên nhân chủ yếu do các hộ chăn nuôi chưa có ý thức trong công tác phòng, chống dịch bệnh, chưa chấp hành việc tiêm phòng vắc xin cho đàn vật nuôi; công tác tiêm phòng cho động vật chủ yếu giao cho lực lượng thú y viên cơ sở thực hiện, trong khi đó thú y viên phải kiêm nhiệm thêm các nhiệm vụ khác, một số thú y viên kiêm nhiệm còn thiếu trình độ chuyên môn. Tại một số địa phương việc tiêm phòng vẫn chưa được quan tâm chỉ đạo, một số cấp ủy, chính quyền địa phương chưa thực sự vào cuộc, một số xã chưa kiện toàn được thú y viên.

- Đất đai manh mún nhỏ lẻ là yếu tố hạn chế khi triển khai sản xuất tập trung tạo ra lượng sản phẩm lớn. Do quy mô nhỏ nên một số doanh nghiệp, HTX chưa tiếp cận được với cơ chế, chính sách phát triển sản xuất nông nghiệp của tỉnh vì không đạt tiêu chí hỗ trợ. Chuỗi liên kết sản xuất với tiêu thụ, mô hình nông nghiệp công nghệ cao, nông nghiệp an toàn được quan tâm nhưng

phát triển chưa mạnh. Mức độ đầu tư thâm canh còn thấp, chất lượng sản phẩm chưa thật sự đáp ứng yêu cầu cao của thị trường, chưa đảm bảo các điều kiện để phát triển bền vững. Năng suất nhiều loại cây trồng tăng, nhưng còn thấp so với tiềm năng, lợi thế của địa phương. Các vùng chuyên canh cây trồng, vùng khuyến khích phát triển chăn nuôi tập trung bước đầu đã hình thành, nhưng việc tổ chức thực hiện còn nhiều khó khăn, nhất là việc đầu tư hạ tầng.

- Tình hình vi phạm trong lĩnh vực quản lý bảo vệ rừng vẫn thường xuyên xảy ra; năng suất và giá bán của rừng trồng thấp, chi phí vận chuyển cao, rừng trồng gỗ lớn chưa nhiều, chi phí tái trồng rừng cao, nên hiệu quả kinh doanh rừng trồng còn thấp, chưa thu hút được nhiều nguồn vốn đầu tư. Sản lượng khai thác lâm sản đạt thấp do một số địa phương chưa quan tâm chỉ đạo tổng hợp báo cáo sát với tình hình thực tế.

- Nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước hạn hẹp chưa đáp ứng nhu cầu thực hiện nhiệm vụ giao; việc thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh còn hạn chế. Chính sách cho các chương trình, dự án giai đoạn chuyển tiếp hiện nay chưa có hướng dẫn cụ thể.

- Hiện nay các chương trình, dự án chưa được giao vốn để thực hiện. Một số chính sách cho các chương trình, dự án giai đoạn chuyển tiếp chưa được phê duyệt và hướng dẫn. Việc triển khai thực hiện Dự án liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp của các đơn vị quản lý nhà nước cấp huyện còn lúng túng, chưa nắm rõ cơ chế chính sách, việc áp dụng thực hiện các dự án liên kết sản xuất còn nhầm lẫn với các dự án phát triển sản xuất theo Quyết định 4781/QĐ-BNN. Chủ trì liên kết chủ yếu là các (HTX) chưa hiểu rõ các chính sách của nhà nước do vậy khi đăng ký danh mục dự án và triển khai thực hiện dự án còn gặp nhiều khó khăn.

- Kinh phí kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các chương trình, dự án nói chung và dự án liên kết sản xuất theo Nghị quyết 08/2019/NQQ-HĐND chưa được bố trí nên việc kiểm tra, giám sát trong quá trình tổ chức thực hiện và nghiệm thu dự án còn nhiều khó khăn.

- UBND tỉnh, các Sở, ngành và địa phương đã rất cố gắng, sát sao trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, ưu tiên tập trung nguồn lực hỗ trợ 6 xã kế hoạch đạt chuẩn nông thôn mới, tuy nhiên tiến độ thực hiện 6 xã đạt chuẩn nông thôn mới vẫn còn chậm; thực hiện các bước đầu tư cơ sở hạ tầng chậm các công trình trường học, nhà văn hoá cấp xã chưa khởi công xây dựng⁶; một số xã⁷ khó khăn về huy động nguồn lực thực hiện hoàn thành tiêu chí số 9.

V. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP THỰC HIỆN TRONG 3 THÁNG CUỐI NĂM 2021

Thực hiện tốt phương án sản xuất vụ Đông năm 2021 tại Quyết định số 1564/QĐ-UBND, ngày 23 tháng 8 năm 2021 của UBND tỉnh Bắc Kạn, phấn đấu hoàn thành các chỉ tiêu được giao tại Quyết định 2268/QĐ-UBND ngày 10/12/2020 của UBND tỉnh, cụ thể:

⁶ Xã Phương Viên, huyện Chợ Đồn

⁷ Xã Thanh Thịnh, huyện Chợ Mới và xã Thượng Giáo, huyện Ba Bể

- Về trồng trọt: Tập trung chỉ đạo hướng dẫn nông dân chăm sóc các cây trồng vụ mùa, thu hoạch lúa mùa sớm và tăng diện tích gieo trồng vụ đông, luân để bù đắp sản lượng và giá trị thiếu hụt trong 9 tháng đầu năm; thực hiện tốt công tác chuyển giao tiến bộ kỹ thuật; thường xuyên thăm đồng, theo dõi đồng ruộng phát hiện sâu bệnh kịp thời để có biện pháp phòng trừ hiệu quả; quản lý chặt chẽ việc buôn bán các loại thuốc bảo vệ thực vật không được sử dụng và hạn chế sử dụng.

- Chăn nuôi, thủy sản: Tăng cường chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc công tác phòng, chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi, bệnh viêm da nổi cục. Theo dõi tổng đàn vật nuôi, phối hợp với các ngành chức năng tăng cường công tác quản lý, kiểm tra, giám sát dịch bệnh, chất lượng con giống, thức ăn chăn nuôi tại các địa phương; tăng cường tuyên truyền, chỉ đạo triển khai thực hiện tốt công tác tiêm phòng đợt II, công tác kiểm soát, kiểm dịch đối với nguồn con giống nhập vào địa bàn hoặc xuất bán vật nuôi theo quy định. Tiếp tục chăm sóc, phòng, trừ dịch bệnh diện tích nuôi trồng thủy sản.

- Triển khai, hướng dẫn người dân áp dụng các biện pháp phòng, chống rét cho cây trồng, vật nuôi, thủy sản.

- Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đặc biệt đối với cây dong riềng, cây chè, cây ăn quả và cây rau,...

- Tiếp tục phổ biến, tuyên truyền các văn bản quản lý chất lượng và an toàn vệ sinh thực phẩm trong sản xuất, kinh doanh vật tư nông nghiệp và sản phẩm nông lâm thủy sản; đôn đốc việc tổ chức kiểm tra, đánh giá phân loại; triển khai khảo sát lựa chọn sản phẩm chuỗi cung ứng thực phẩm an toàn,... Hỗ trợ các doanh nghiệp, HTX, tổ hợp tác xây dựng vùng nguyên liệu gắn sản xuất với chế biến và tiêu thụ sản phẩm, nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm đặc biệt đối với cây trồng đặc trưng của địa phương; hiện đồng bộ các biện pháp kỹ thuật từ khâu chọn giống, trồng, chăm sóc theo hướng VietGAP hoặc đảm bảo ATVSTP và thâm canh, cải tạo đối với vườn cây già cỗi, thoái hóa, trồng mới theo kế hoạch. Đẩy mạnh cải cách hành chính, đổi mới và hoàn thiện cơ chế chính sách tạo môi trường đầu tư, kinh doanh thông thoáng, thuận lợi cho đầu tư vào chế biến nông lâm thủy sản. Thực hiện tốt công tác quảng bá, xúc tiến tiến thương mại đưa các sản phẩm tiếp cận được nhiều kênh, thị trường tiềm năng tạo mạng lưới thị trường ổn định.

- Chỉ đạo thực hiện tốt Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12/01/2017; Nghị quyết số 71/NQ-CP ngày 08/8/2018; Chỉ thị số 557/CT-BNN-TCLN ngày 25/01/2019 về việc tăng cường ngăn chặn các điểm nóng về phá rừng, cháy rừng, không để xảy ra điểm nóng, phức tạp trên địa bàn toàn tỉnh. Thực hiện tốt công tác quản lý, theo dõi, kiểm tra, giám sát chặt chẽ việc khai thác lâm sản của các chủ rừng trên địa bàn; chỉ đạo chăm sóc rừng trồng, tổ chức nghiệm thu, đánh giá kết quả trồng rừng theo kế hoạch. Chuẩn bị tốt các điều kiện cho công tác trồng rừng năm 2022 như: Đăng ký nhu cầu, gieo ươm cây giống, tổ chức thiết kế trồng rừng,...

- Tham mưu, xây dựng cơ chế, chính sách và hướng dẫn thực hiện thu hút vốn đầu tư của các doanh nghiệp vào sản xuất nông lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh; chính sách thực hiện các Kế hoạch thực hiện Đề án cơ cấu lại ngành nông nghiệp tỉnh Bắc Kạn theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững giai đoạn 2020-2025, tầm nhìn đến 2035.

- Tiếp tục phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu, hoàn thiện chính sách cho các chương trình, dự án giai đoạn chuyển tiếp; tăng cường công tác tuyên truyền chính sách trong liên kết sản xuất và tiêu thụ sản phẩm nông nghiệp.

- Tiếp tục theo dõi, đôn đốc thực hiện chương trình nông thôn mới đảm bảo hoàn thành mục tiêu đề ra.

- Tham mưu cho UBND tỉnh tổ chức đánh giá phân hạng, công nhận các sản phẩm OCOP tham gia Chương trình năm 2021; rà soát, đánh giá, cấp đổi lại Giấy chứng nhận sản phẩm OCOP đã hết thời hạn theo đúng quy định; đề xuất sản phẩm tiềm năng tham gia đánh giá sản phẩm OCOP Quốc gia....

- Phối hợp với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tổng hợp nhu cầu đào tạo nghề năm 2021. Căn cứ vào các quy hoạch của ngành, các chương trình, đề án, dự án, kế hoạch để lựa chọn địa điểm triển khai đào tạo nghề nông nghiệp. Lựa chọn các cơ sở đào tạo, số lớp, nghề theo nhu cầu và phù hợp với định hướng sản xuất.

- Tiếp tục thực hiện các mục tiêu Kế hoạch phát triển ngành nghề nông thôn tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2020-2025. Xây dựng kế hoạch kiểm tra thực tế, hướng dẫn trực tiếp lập hồ sơ công nhận làng nghề. Thực hiện các dự án về phát triển ngành nghề nông thôn theo các mục tiêu kế hoạch đề ra.

- Tổ chức rà soát, đánh giá năng suất, sản lượng các chỉ tiêu kế hoạch năm 2021 đảm bảo sát với thực tiễn.

- Tổ chức quản lý và khai thác tốt các công trình thủy lợi, rà soát, kiểm tra những vùng có nguy cơ cao theo phương án PCTT, phương án chống hạn, chống úng. Hướng dẫn bảo trì công trình và quy trình quản lý khai thác sử dụng công trình thủy lợi. Theo dõi diễn biến thời tiết, tham mưu và chỉ đạo các đơn vị, địa phương chủ động phòng tránh, ứng phó với thiên tai xảy ra.

- Tiếp tục tổ chức triển khai mục tiêu phát triển kinh tế tập thể, phương án bố trí dân cư xen ghép trên địa bàn tỉnh; hỗ trợ chuyển giao khoa học công nghệ cho hợp tác xã theo kế hoạch, tăng cường kiểm tra, giám sát công tác đào tạo nghề nông nghiệp cho lao động nông thôn, việc thực hiện các dự án, tiểu dự án hỗ trợ phát triển sản xuất, đa dạng hóa sinh kế và nhân rộng mô hình giảm nghèo.

- Phối hợp với các cơ quan thông tin đại chúng, hướng dẫn chuyển dịch cơ cấu giống, thời vụ; hướng dẫn kỹ thuật, tuyên truyền nhân rộng các mô hình đạt hiệu quả cao phù hợp với địa phương.

- Duy trì công tác thanh tra chuyên ngành về Thú y và Bảo vệ thực vật; tổ chức các đợt thanh tra định kỳ và đột xuất về vật tư, giống cây trồng vật nuôi,

thức ăn chăn nuôi trên địa bàn đảm bảo theo quy định; tiếp tục thành lập đoàn kiểm tra ATTP trong lĩnh vực nông nghiệp.

- Tiếp tục triển khai, thực hiện Chương trình “ Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả” tỉnh Bắc Kạn năm 2021; chỉ đạo, giám sát các gói thầu thi công, tư vấn giám sát thực hiện đảm bảo chất lượng và tiến độ; thực hiện các phương án tuyên truyền, tập huấn, kiểm tra đánh giá chất lượng nước năm 2021; thu thập Bộ chỉ số theo dõi đánh giá nước sạch và VSMTNT.

- Chỉ đạo các doanh nghiệp cung ứng đầy đủ các loại giống cây trồng trong cơ cấu giống và các loại vật tư, thuốc BVTV đáp ứng nhu cầu sản xuất.

Trên đây là báo cáo đánh giá kết quả sản xuất nông lâm nghiệp, thủy sản 9 tháng đầu năm, giải pháp thực hiện nhiệm vụ 3 tháng cuối năm 2021 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Bắc Kạn./.

Nơi nhận:

Gửi bản điện tử:

- Bộ Nông nghiệp và PTNT (Báo cáo);
- Tỉnh uỷ, HĐND, UBND tỉnh (Báo cáo);
- GD, các PGĐ Sở;
- Cục Thống kê; Sở KH&ĐT (P/hợp);
- Sở Công thương;
- UBND các huyện, thành phố (P/hợp);
- Các phòng, đơn vị thuộc Sở (T.hiện);
- Phòng NN các huyện, P.KT thành phố (T.hiện);
- Lưu: VT, KHTC.

GIÁM ĐỐC

Hà Sỹ Huân